

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 26/2021/HC-GĐT

Ngày 13-9-2021

V/v khiếu kiện quyết định hành chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thuân;

Các Thẩm phán: - Ông Trần Văn Cò;

- Ông Lê Văn Minh;

- Ông Trần Hồng Hà;

- Ông Phạm Quốc Hưng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hòa, Thư ký Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Xuân, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 13/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao đã mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hành chính về “khiếu kiện quyết định hành chính” giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1. Ông Nhan Văn T, sinh năm 1942;

1.2. Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1952;

Cùng cư trú tại ấp TX, xã TT, huyện LL, thành phố Cần Thơ;

Địa chỉ tạm trú số 34 đường MT, phường AP, quận NK, thành phố Cần thơ.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ;

Người đại diện hợp pháp: Ông Võ Thành T1, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ là người đại diện theo pháp luật;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Chí K - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ;

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thanh U, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 1465/UQ-UBND ngày 09/8/2016).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn Đ (chết năm 2016);

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đ:

3.1. Ông Nguyễn Tri P;

3.2. Bà Huỳnh An L1;

3.3. Bà Nguyễn Thị Mộng T2;

3.4. Ông Nguyễn Tri G;

3.5. Bà Nguyễn Thị Lệ T3;

3.6. Ông Nguyễn Tri Q;

3.7. Bà Nguyễn Thị Nguyệt T4;

Cùng cư trú tại số 46, ấp Th, thị trấn TL, huyện TL, thành phố Cần Thơ;

Người đại diện hợp pháp của các bà L1, bà T2, bà T4: Ông Nguyễn Tri P, ông Nguyễn Tri G là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 07/11/2016);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2016 của ông Nhan Văn T và bà Nguyễn Thị Kim L và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thì thấy:

Phần đất diện tích 70,4m² (trong đó diện tích thuộc hành lang lộ giới là 31,3m², diện tích còn lại là 39,1m²) thuộc ấp Th, thị trấn TL, huyện O (nay là huyện TL), thành phố Cần Thơ nằm trong hai thửa đất: Phần có diện tích 59,4m² (diện tích thuộc hành lang lộ giới là 23,1m², phần còn lại là 36,3m²) thuộc thửa 1099 do bà N (mẹ vợ ông Đ) đứng tên trong Sổ mục kê; phần có diện tích 11m² (trong đó diện tích thuộc hành lang lộ giới là 8,2m², diện tích còn lại là 2,8m²) thuộc thửa 1098 do bà Nh (có cháu là ông Trần Quốc Th) đứng tên trong Sổ mục kê. Trước năm 1975 đây là nương lộ, tiếp giáp phía sau khu phố chợ TL. Khoảng năm 1979-1980 thực hiện công trình nạo vét kênh xáng O và thổi đất lòng kênh bồi đắp mặt bằng nên các hộ dân có căn phố chợ TL lấn chiếm ra phía sau và một số hộ dân nơi khác đến sử dụng, trong đó có bà N và bà Nh.

Quá trình sử dụng đất, bà N cho vợ chồng người cháu là ông P và bà H làm nhà ở nhờ. Ngày 19/01/1988, bà H lập giấy viết tay bán căn nhà cho bà L. Năm 1998, bà Nh cho cháu là ông Th phần đất trong đó có 11m² đất tranh chấp với ông T, bà L. Sau đó xảy ra tranh chấp quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Nhan Văn T, bà Nguyễn Thị Kim L với gia đình ông Nguyễn Văn Đ và ông Trần Quốc Th.

Ngày 18/02/2002, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện O ban hành Quyết định số 519/2002/QĐ.UB về việc giải quyết khiếu nại có nội dung: Buộc hộ ông Nhan Văn T phải di dời toàn bộ căn nhà đã cất trên phần đất đang tranh chấp, diện tích 70,4m² trong đó một phần thửa 1099 diện tích

59,4m² giao cho ông Nguyễn Văn Đ và một phần thửa 1098 diện tích 11m² giao cho ông Trần Quốc Th sử dụng.

Ngày 18/10/2005, Chủ tịch UBND huyện CĐ ban hành Quyết định số 4322/QĐ-UBND về việc cưỡng chế hành chính đối với ông T, buộc ông T tháo dỡ di dời toàn bộ nhà, vật kiến trúc để giao đất cho ông Đ và ông Th. Ngày 29/11/2005, UBND huyện CĐ tiến hành cưỡng chế tháo dỡ nhà ông T. Do ông T không chấp nhận việc cưỡng chế nên Đoàn cưỡng chế đã bàn giao tài sản cưỡng chế về UBND xã quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật và lập Biên bản giao diện tích đất cho ông Đ và ông Th sử dụng.

Do ông T có đơn khiếu nại, ngày 15/10/2010, Chủ tịch UBND thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định số 2841/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại có nội dung: Ôn định cho ông Đ tiếp tục sử dụng phần đất tranh chấp nêu trên, sau khi trừ lộ giới; khi đăng ký quyền sử dụng đất, ông Đ phải thực hiện nghĩa vụ tài chính; ông Đ có trách nhiệm hỗ trợ 35.000.000 đồng vật kiến trúc cho ông T; giao UBND huyện TL xem xét cấp cho ông T một nền tái định cư tại khu dân cư vượt lũ xã TT có thu tiền xây dựng cơ sở hạ tầng.

Ông T, bà L khởi kiện Quyết định số 519/2002/QĐ.UB ngày 18/02/2002 của UBND huyện O và Quyết định số 2841/QĐ-UBND ngày 15/10/2010 của Chủ tịch UBND thành phố Cần Thơ.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2013/HC-ST ngày 19/11/2013, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã bác yêu cầu khởi kiện của ông T, bà L; ghi nhận sự tự nguyện của ông Đ hỗ trợ thêm cho vợ chồng ông T 15.000.000 đồng.

Ông T, bà L kháng cáo bản án sơ thẩm nêu trên. Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 44/2014/HC-PT ngày 28/3/2014, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định hủy Bản án sơ thẩm do tại phiên tòa phúc thẩm đại diện UBND thành phố Cần Thơ rút Quyết định số 2841/QĐ-UBND ngày 15/10/2010 để giải quyết lại vì Quyết định này chưa giải quyết khiếu nại của ông T, bà L đối với phần đất 11m² mà Quyết định số 519/2002/QĐ.UB buộc hộ gia đình ông T phải giao trả ông Th.

Ngày 30/01/2015, Chủ tịch UBND thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định số 395/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 2841/QĐ-UBND ngày 15/10/2010 của Chủ tịch UBND thành phố Cần Thơ.

Ngày 17/6/2015, Chủ tịch UBND thành phố Cần Thơ có Công văn số 2767/UBND-NCPC giao Chủ tịch UBND huyện TL kiểm tra sửa đổi, bổ sung hoặc thu hồi Quyết định số 519/2002/QĐ.UB ngày 18/02/2002 của UBND huyện O để giải quyết lại lần đầu cho phù hợp quy định.

Ngày 03/8/2015, Chủ tịch UBND huyện TL ban hành Quyết định số 2471/QĐ-UBND về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 519/2002/QĐ.UB ngày 18/02/2002 của UBND huyện O có nội dung: Ôn định cho ông Đ được tiếp tục sử dụng phần đất tranh chấp có diện tích 39,1m² (so với Quyết định số 519/2002/QĐ.UB của UBND huyện O giảm 31,30m² là do lộ giới mở rộng đường tỉnh 922 và vỉa hè); khi đăng ký quyền sử dụng đất, ông Đ phải thực hiện nghĩa vụ tài chính cho Nhà nước theo quy định hiện hành, ông Đ có trách

nhiệm hỗ trợ 35.000.000 đồng vật kiến trúc cho ông T; giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tham mưu cho UBND huyện giao cho ông T một nền tái định cư tại khu dân cư vượt lũ xã TH có thu tiền cơ sở hạ tầng theo quy định.

Không đồng ý, ông T, bà L tiếp tục khiếu nại. Ngày 20/4/2016, Chủ tịch UBND thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định số 1087/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại có nội dung: Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 2471/QĐ-UBND ngày 03/8/2015 của Chủ tịch UBND huyện TL; không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông T, bà L về việc yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 2471/QĐ-UBND nêu trên; giao Chủ tịch UBND huyện TL tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Ngày 11/5/2016, ông T và bà L khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ yêu cầu: Hủy toàn bộ Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Cần Thơ, Quyết định số 2471/QĐ-UBND ngày 03/8/2015 của Chủ tịch UBND huyện TL, Quyết định số 4322/QĐ-UBND ngày 18/10/2005 của Chủ tịch UBND huyện CĐ về việc cưỡng chế thi hành Quyết định số 519/2002/QĐ.UB ngày 18/02/2002 của UBND huyện O; yêu cầu bồi thường thiệt hại tổng cộng là 408.000.000 đồng gồm tiền vật kiến trúc do cưỡng chế sai, tiền cho thuê nhà và tiền thuê nhà, tiền chi phí khởi kiện và tiền thiệt hại về tinh thần.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2017/HCST ngày 06/3/2017, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ quyết định:

“1. Đối với các Quyết định hành chính:

- Bác yêu cầu của người khởi kiện của ông Nhan Văn T, bà Nguyễn Thị Kim L đối với yêu cầu hủy toàn bộ các Quyết định 1087/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Cần Thơ và toàn bộ Quyết định số 2471/QĐ-UBND ngày 03/8/2015 của Chủ tịch UBND huyện TL về việc sửa đổi Quyết định số 519/QĐ.UB ngày 18/02/2002 của UBND huyện O (cũ).

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nhan Văn T và bà Nguyễn Thị Kim L đối với yêu cầu hủy Quyết định 4322/QĐ.UBND ngày 18/10/2005 của Chủ tịch UBND huyện O (cũ) nay là Chủ tịch UBND huyện TL.

2. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại:

- Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với số tiền 40.000.000 đồng.

- Đình chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với số tiền 368.800.000 đồng”.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/3/2017, ông Nhan Văn T và bà Nguyễn Thị Kim L có đơn kháng cáo.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 424/2019/HC-PT ngày 08/7/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

“Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nhan Văn T, bà Nguyễn Thị Kim L. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2017/HC-ST ngày 06/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ...”

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nhan Văn T và bà Nguyễn Thị Kim L đối với yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Cần Thơ; Quyết định số 2471/QĐ-UBND ngày 03/8/2015 của Chủ tịch UBND huyện TL về việc sửa đổi Quyết định số 519/QĐ.UB ngày 18/02/2002 của UBND huyện O (cũ) và Quyết định 4322/QĐ-UBND ngày 18/10/2005 của Chủ tịch UBND huyện O (cũ) nay là Chủ tịch UBND huyện TL.

2. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật”.

Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 08/6/2020, ông Nhan Văn T và bà Nguyễn Thị Kim L có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 424/2019/HC-PT ngày 08/7/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 27/5/2021, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 21/2021/KN-HC kháng nghị đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 424/2019/HC-PT ngày 08/7/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh theo thủ tục giám đốc thẩm; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, hủy Bản án hành chính phúc thẩm nêu trên và Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2017/HCST ngày 06/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Phần đất tranh chấp giữa ông Nhan Văn T, bà Nguyễn Thị Kim L với ông Nguyễn Văn Đ là đất công do bồi lấp kênh xáng nằm ở phía sau nhà bà N, bà Nh và bị các hộ dân lấn chiếm, sử dụng. Quá trình sử dụng đất, bà N cho vợ chồng người cháu là ông P và bà H làm nhà ở nhờ. Năm 1988, bà H lập giấy viết tay bán căn nhà cho bà L nhưng Giấy mua bán không có xác nhận của chính quyền địa phương. Năm 1992, bà N, bà Nh kê khai trong Sổ mục kê đứng tên các thửa đất bao trùm lên diện tích tranh chấp, còn ông T, bà L không đăng ký kê khai và cũng không có ý kiến gì khác. Ngày 14/9/1993, ông T nộp thuế sử dụng nhà đất. Gia đình ông T sử dụng đất từ năm 1988 đến năm 1999, sau đó ông T cho thuê nhà và đi nơi khác sinh sống.

[2] Theo Pháp lệnh thuế nhà, đất năm 1992, Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh về thuế nhà, đất năm 1994 nay là điểm c, khoản 3, Điều 4 Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2010 thì *“việc nộp thuế không phải là căn cứ để giải quyết tranh chấp về quyền sử dụng đất”*. Như vậy, ông T, bà L không có giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp, ông bà

quản lý đất một thời gian sau đó không trực tiếp sử dụng đất. Gia đình ông Nguyễn Văn Đ và ông Trần Quốc Th có công bồi đắp, tạo lập đất, đã đăng ký kê khai. Do đó, Quyết định số 519/QĐ.UB ngày 18/02/2002 của UBND huyện O (cũ) xác định việc khiếu nại của ông Đ, ông Th là đúng, buộc ông T phải di dời căn nhà đã cất trên phần đất tranh chấp để giao lại tổng diện tích 70,4m² đất cho ông Đ, ông Th quản lý sử dụng là có căn cứ. Tuy nhiên, tại Quyết định số 519/QĐ.UB, UBND huyện O (cũ) xác định diện tích đất tranh chấp bao gồm cả phần đất lộ giới là chưa chính xác. Vì vậy, ngày 03/8/2015, Chủ tịch UBND huyện TL ban hành Quyết định số 2471/QĐ-UBND về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 519/QĐ.UB, trong đó sửa đổi, bổ sung về Điều 1 của Quyết định số 519/QĐ.UB cụ thể là: *“**Ôn định cho ông Nguyễn Văn Đ được tiếp tục sử dụng phần đất tranh chấp có diện tích 39,1m² (kèm theo hồ sơ trích đo địa chính số 10/VPĐKQSDĐ ngày 23/6/2014 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện TL).** Khi đăng ký quyền sử dụng đất ông Nguyễn Văn Đ phải thực hiện nghĩa vụ tài chính cho Nhà nước theo quy định hiện hành; ông Đ có trách nhiệm hỗ trợ 35.000.000 đồng vật kiến trúc cho ông Nhan Văn T; Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tham mưu UBND huyện xem xét giao cho ông Nhan Văn T một nền tái định cư tại Khu dân cư vượt lũ xã TH, có thu tiền cơ sở hạ tầng theo quy định; các nội dung còn lại của Quyết định số 519/QĐ.UB ngày 18/02/2002 của UBND huyện O (cũ) giữ nguyên tiếp tục thực hiện”*. Như vậy, Quyết định này không sửa đổi về nội dung buộc ông T phải di dời căn nhà để giao lại đất cho ông Đ. Khi ông T khiếu nại Quyết định số 2471/QĐ-UBND, Chủ tịch UBND thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 giải quyết khiếu nại có nội dung công nhận và giữ nguyên Quyết định số 2471/QĐ-UBND là đúng.

[3] Do ông T không thực hiện Quyết định số 519/QĐ.UB ngày 18/02/2002 của UBND huyện O (cũ) nên Chủ tịch UBND huyện CĐ ban hành Quyết định số 4322/QĐ-UBND ngày 18/10/2005 về việc cưỡng chế thi hành Quyết định số 519/QĐ.UB là có căn cứ, đúng quy định tại các Điều 3, 5, 6, 10 và Điều 30 Nghị định số 182/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

[4] Quyết định số 4322/QĐ-UBND được Chủ tịch UBND huyện O (nay là huyện L) ban hành ngày 18/10/2005 là một trong các Quyết định hành chính mà ông T khiếu nại đã được Chủ tịch UBND huyện TL đề cập đến tại Quyết định số 2471/QĐ-UBND ngày 03/8/2015 của Chủ tịch UBND huyện TL và Chủ tịch UBND thành phố Cần Thơ xem xét, giải quyết tại Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 nên giữa Quyết định số 4322/QĐ-UBND và các Quyết định hành chính nêu trên có liên quan chặt chẽ với nhau. Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật Tố tụng hành chính thì Tòa án phải xem xét đối với các Quyết định hành chính có liên quan. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng thời hiệu khởi kiện đối với Quyết định số 4322/QĐ-UBND đã hết, từ đó đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông T, bà L đối với Quyết định này là không đúng. Tòa án cấp phúc thẩm nhận định Quyết định này đã được UBND các cấp của thành phố Cần Thơ xem xét, giải quyết liên tục nên còn thời hiệu khởi kiện, là có căn cứ.

[5] Trong vụ án này, mặc dù trên đất tranh chấp có ngôi nhà cấp 4 của ông Nhan Văn T nhưng các bên đương sự chỉ khiếu nại tranh chấp quyền sử dụng đất, không tranh chấp ngôi nhà. Do đó, theo quy định tại tiểu mục 3.1 mục 3 Thông tư liên tịch số 01/2002/TTLT-VKSNDTC-TCĐC ngày 03/01/2002 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng cục Địa chính hướng dẫn về thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong việc giải quyết các tranh chấp liên quan đến quyền sử dụng đất, khoản 2 Điều 136 Luật Đất đai năm 2003 nay là khoản 2 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013 thì thẩm quyền giải quyết thuộc Ủy ban nhân dân. Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng trên đất tranh chấp có nhà cấp 4 nên Ủy ban nhân dân thụ lý giải quyết vụ việc là không đúng thẩm quyền, từ đó hủy Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Cần Thơ, Quyết định số 2471/QĐ-UBND ngày 03/8/2015 của Chủ tịch UBND huyện TL và Quyết định số 4322/QĐ-UBND ngày 18/10/2005 của Chủ tịch UBND huyện O (nay là huyện TL) là không đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 266; Điều 271; khoản 3 Điều 272 và Điều 274 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 21/2021/KN-HC ngày 27/5/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

2. Hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 424/2019/HC-PT ngày 08/7/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2017/HCST ngày 06/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ;

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Viện trưởng VKSNDTC (để biết);
- TANDCC tại TP HCM;
- TAND thành phố Cần Thơ (kèm hồ sơ vụ án);
- Cục THADS thành phố Cần Thơ (để biết);
- VKSND thành phố Cần Thơ (để biết);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Vụ GDKT III (2), Vụ PC&QLKH, VP (TANDTC), Thư ký Thẩm phán, Hồ sơ vụ án, Ths.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thuần